

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGỌC THỤY



LỊCH THI GIỮA KÌ II

Thứ	Thời gian	Buổi	Tiết	Môn	Lớp	GV coi thi
3	11/3	Sáng	3	GDCD	6789	Theo TKB
4	12/3	Sáng	3	Công nghệ	6789	Theo TKB
5	13/3	Sáng	2	LS&ĐL	6789	Theo TKB
6	14/3	Sáng	3	Tin học	6789	Theo TKB
3	18/3	Sáng	1-2	Ngữ văn	6789	Theo TKB
4	19/3	Sáng	1-2	Toán	6789	Theo TKB
5	20/3	Sáng	1-2	KHTN	6789	Theo TKB
6	21/3	Sáng	1-2	Tiếng Anh	6789	Theo TKB

NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA KÌ II NĂM HỌC 2024 – 2025 MÔN TOÁN 6

A. LÝ THUYẾT

1. Số học

- + Thu thập, tổ chức, biểu diễn, phân tích và xử lý dữ liệu.
- + Biểu đồ tranh. Biểu đồ cột. Biểu đồ cột kép.
- + Xác suất thực nghiệm trong 1 số trò chơi và thí nghiệm đơn giản.
- + Phân số với tử và mẫu là số nguyên

2. Hình học:

- + Điểm. Đường thẳng. Đoạn thẳng.
- + Hai đường thẳng cắt nhau. Hai đường thẳng song song.

B. BÀI TẬP

I. Trắc nghiệm

Câu 1. Trong các cách viết sau đây, cách viết nào cho ta phân số:

- A. $\frac{-2,4}{7}$. B. $\frac{-7}{2,4}$. C. $\frac{6}{0}$. D. $\frac{0}{6}$.

Câu 2. Phân số tối giản của phân số $\frac{-12}{27}$ là:

- A. $\frac{-4}{9}$. B. $\frac{1}{7}$. C. $\frac{4}{9}$. D. $\frac{-1}{7}$.

Câu 3. Tung một đồng xu 40 lần liên tiếp, có 17 lần xuất hiện mặt sấp S thì xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt ngửa N là:

- A. $\frac{17}{40}$. B. $\frac{17}{23}$. C. $\frac{23}{40}$. D. $\frac{23}{17}$.

Câu 4. Một hộp có 5 chiếc thẻ cùng loại, mỗi thẻ được ghi một trong các số 1, 2, 3, 4, 5; hai thẻ khác nhau thì ghi hai số khác nhau. Rút ngẫu nhiên một thẻ từ trong hộp. Viết tập hợp gồm các kết quả có thể xảy ra đối với số xuất hiện trên thẻ được rút ra.

- A. $\{1; 2; 3; 4\}$. B. $\{1; 2; 3; 5\}$. C. $\{2; 3; 4; 5\}$. D. $\{1; 2; 3; 4; 5\}$.

Câu 5. Một lớp có 15 học sinh nam và 25 học sinh nữ. Tỉ số học sinh nữ so với số học sinh của cả lớp là

- A. 15. B. 25. C. $\frac{3}{8}$. D. $\frac{5}{8}$.

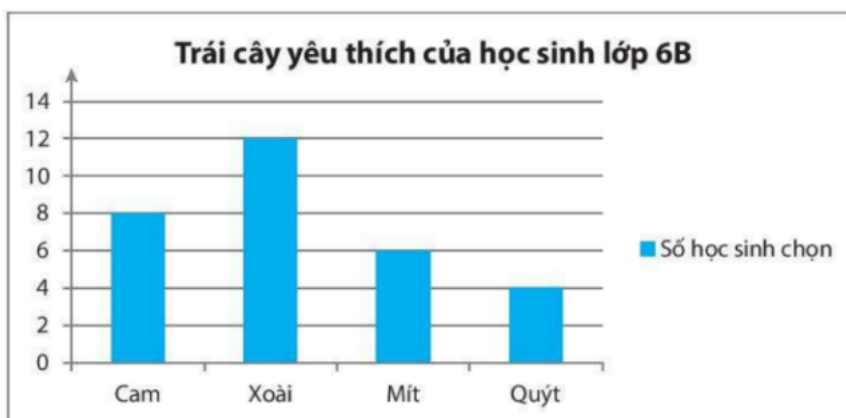
Câu 6. Bạn Nam gieo một con xúc xắc 10 lần liên tiếp thì thấy mặt hai chấm xuất hiện 3 lần. Xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt hai chấm là

- A. 3. B. 7. C. $\frac{3}{10}$. D. $\frac{7}{10}$.

Câu 7. Trong các cách viết sau đây, cách viết nào cho ta phân số?

- A. $\frac{4}{17}$. B. $\frac{11}{0}$. C. $\frac{0,7}{6}$. D. $\frac{0,12}{0,8}$.

Trả lời Câu 8 và Câu 9: Biểu đồ cột sau đây cho biết thông tin về loại trái cây yêu thích của các bạn học sinh lớp 6A.



Câu 8. Loại trái cây nào được các bạn yêu thích nhất?

- A. Cam. B. Xoài. C. Mít. D. Quýt.

Câu 9. Có bao nhiêu bạn thích quả Quýt?

- A. 8. B. 12. C. 6. D. 4.

Câu 10. Gieo một xúc xắc 50 lần liên tiếp, kết quả thu được ghi ở bảng sau:

Số chấm xuất hiện	1	2	3	4	5	6
Số lần	4	10	11	7	12	6

Xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt 5 chấm là

- A. $\frac{6}{25}$ B. $\frac{1}{10}$. C. $\frac{1}{5}$. D. $\frac{2}{25}$.

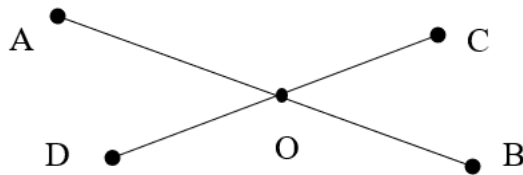
Câu 11. Nam gieo một xúc xắc 100 lần liên tiếp và ghi lại số chấm xuất hiện ở mỗi lần gieo như sau:

Số chấm xuất hiện	1	2	3	4	5	6
Số lần	17	18	15	14	16	20

Xác suất thực nghiệm khi gieo được mặt có số chấm là số chẵn là

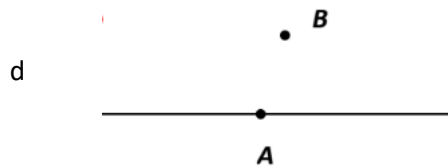
- A. $\frac{9}{50}$ B. $\frac{13}{25}$. C. $\frac{8}{25}$. D. $\frac{17}{50}$.

Câu 12. Cho hình vẽ, cho biết có bao nhiêu đoạn thẳng?



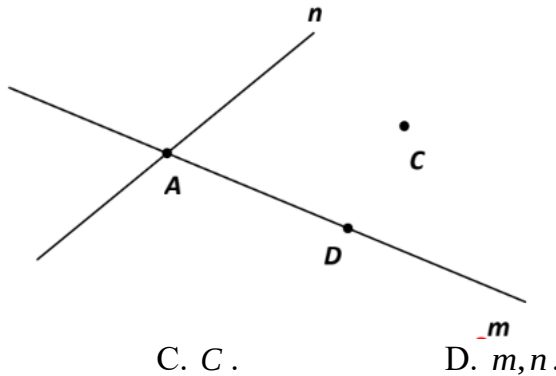
- A. 2 đoạn thẳng. B. 4 đoạn thẳng.
C. 6 đoạn thẳng. D. 5 đoạn thẳng.

Câu 13. Cho hình vẽ sau, chọn khẳng định SAI.



- A. Điểm A nằm trên đường thẳng d .
B. Điểm B nằm trên đường thẳng d .
C. Điểm B không thuộc đường thẳng d .
D. Đường thẳng d chứa điểm A và không chứa điểm B.

Câu 14. Trong hình vẽ dưới đây, điểm A thuộc đường thẳng nào?



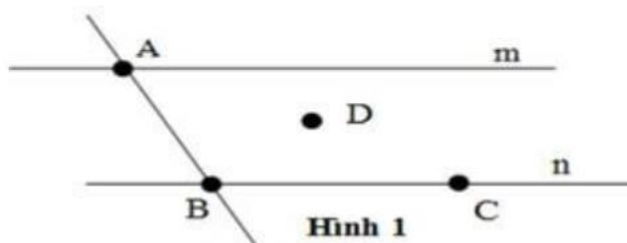
- A. m . B. n . C. C . D. m, n .

Câu 15. Trong hình vẽ. Chọn khẳng định SAI.



- A. Điểm A nằm trên đường thẳng AB .
B. Điểm B nằm trên đường thẳng AB .
C. AB là một đường thẳng.
D. AB không là một đường thẳng.

Trả lời Câu 16 và Câu 17: Cho hình vẽ sau:



Câu 16. Khẳng định nào sau đây ĐÚNG.

A. $A \in m, A \in n$.

B. $A \in m, A \notin n$.

C. $A \notin m$.

D. $D \in m$.

Câu 17. Đường thẳng n đi qua những điểm nào?

A. Điểm A .

B. Điểm C và điểm D .

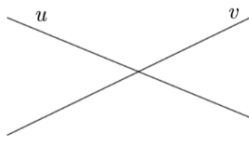
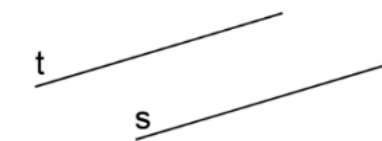
C. Điểm A và điểm B .

D. Điểm B và điểm C .

Câu 18. Hình nào sau đây xuất hiện hai đường thẳng song song?

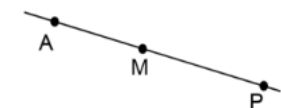
A.

B.



C.

D.



Câu 19. Qua 2 điểm phân biệt, vẽ được bao nhiêu đoạn thẳng?

A. 0.

B. 1.

C. 2.

D. 3.

Câu 20. Cho 6 điểm trong đó không có 3 điểm nào thẳng hàng. Số đường thẳng đi qua 2 trong số 6 điểm đã cho là:

A. 15.

B. 30.

C. 10.

D. 60.

II. Tự luận

Dạng 1: Xác suất thống kê

Bài 1. Thời gian giải Toán (tính bằng phút) của 20 học sinh được ghi lại như sau:

5	10	4	8	9	6	7	10	8	9
7	9	7	8	5	5	8	6	6	10

a) Đối tượng thống kê là gì? Tiêu chí thống kê là gì?

b) Lập bảng số liệu theo mẫu sau:

Thời gian (phút)	4	5	6	7	8	9	10
Số học sinh	?	?	?	?	?	?	?

Bài 2. Một học sinh ghi nhanh số xe máy có trong gia đình của từng bạn trong tổ vào bảng như sau:

2	4	1	1	2	1
3	2	2	2	1	3

a) Đối tượng thống kê là gì? Tiêu chí thống kê là gì?

b) Lập bảng số liệu theo mẫu sau:

Số xe máy	1	2	3	4
-----------	---	---	---	---

Số gia đình

Bài 3. Bạn An gieo một xúc xắc 10 lần liên tiếp có kết quả như sau:

Lần gieo	Số chấm
1	2 chấm
2	1 chấm

3	6 chấm
4	4 chấm
5	4 chấm
6	5 chấm
7	3 chấm
8	5 chấm
9	1 chấm
10	1 chấm

- a) Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện xuất hiện mặt 1 chấm.
b) Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện xuất hiện mặt có số chấm là số lẻ.

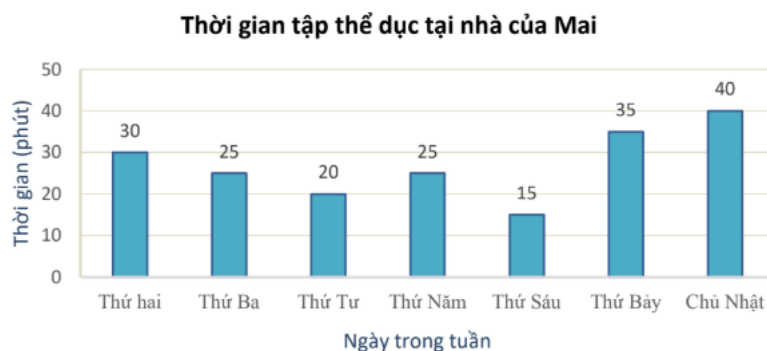
Bài 4. Đọc biểu đồ tranh biểu diễn số máy cày của 5 xã và trả lời các câu hỏi sau:

Xã	Số máy cày
Xã A	
Xã B	
Xã C	
Xã D	
Xã E	

( = 10 máy cày;  = 5 máy cày)

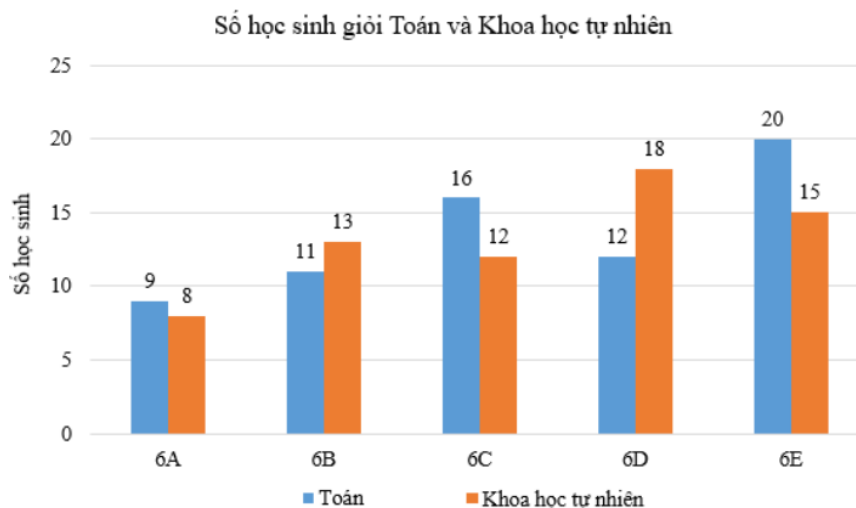
- a) Xã D có bao nhiêu máy cày?
b) Xã nào có ít máy cày nhất? Xã nào có nhiều máy cày nhất?
c) Tính chênh lệch số máy cày giữa xã A và xã C.
d) Tính tổng số máy cày của 5 xã.

Bài 5. Biểu đồ dưới đây cho biết thông tin về thời gian tập thể dục tại nhà của Mai trong một tuần.



- a) Dựa vào biểu đồ, hãy lập bảng thống kê thời gian tập thể dục tại nhà của Mai trong một tuần.
b) Vào ngày thứ tư thời gian tập thể dục tại nhà của Mai là bao nhiêu?
c) Ngày nào trong tuần Mai dành thời gian tập thể dục tại nhà nhiều nhất? Ngày nào trong tuần Mai dành thời gian tập thể dục tại nhà ít nhất

Bài 6.



- Số học sinh giỏi Toán của lớp nào nhiều nhất? Số học sinh giỏi Toán của lớp nào ít nhất?
- Số học sinh giỏi Khoa học tự nhiên của lớp nào nhiều nhất? Số học sinh giỏi Khoa học tự nhiên của lớp nào ít nhất?
- Số học sinh giỏi môn Toán của lớp 6A chiếm bao nhiêu phần trăm trong tổng số học sinh giỏi môn Toán của cả 5 lớp?
- Số học sinh giỏi môn Khoa học tự nhiên của lớp 6D chiếm bao nhiêu phần trăm tổng số học sinh giỏi môn Khoa học tự nhiên của cả 5 lớp?
- Bạn Hoa nói sĩ số lớp 6C là 30 học sinh. Theo em, bạn Hoa nói đúng không? Vì sao?

Dạng 2: Thực hiện phép tính.

Bài 1. Thực hiện phép tính hợp lí (nếu có thể)

- $372 + 613 - 172 - 513$
- $-13 + 435 + 113 - 35 - 120$
- $-145 + 430 + 2145 + (-530)$
- $(32 - 17) + (17 + 20 - 32)$
- $222 - (22 - 27)$
- $5 - 6 + 7 - 8 + 9 - 10$

Bài 2. Thực hiện phép tính hợp lí (nếu có thể)

- $13.75 + 13.25$
- $(-18).64 + (-18).64 - 1200$
- $(-52).14 + 14.62$
- $34.(-27) + 34.(-74) + 34$

Bài 3. Thực hiện phép tính hợp lí (nếu có thể)

- $127 - (5.2^3 - 81 : 3^2)$
- $2^2.3 - (1^{2024} + 2025^0) : 2$
- $(32 : 2^2 - 16 : 2^4) + 20^1$

Dạng 3: Tìm x

Bài 1. Tìm $x \in \mathbb{Z}$ biết:

- $2.x + 17 = -25$
- $64 - 4.x = 2^5$
- $x - 9 = (-16) + (-3)$
- $x + 24 = (-63) + (-17)$

Bài 2. Tìm $x \in \mathbb{Z}$ biết:

- $10 - 2.(4 - 3.x) = -4$
- $12 + 5.(x + 1) = -33$
- $x(x + 3) = 0$
- $(x + 1)(x - 2) = 0$

Dạng 4: Phân số

Bài 1. Viết và đọc mỗi phân số trong các trường hợp sau:

- Tử số là 12, mẫu số là -37 .
- Tử số là -5 , mẫu số là 19.

Bài 2. Các cặp phân số sau có bằng nhau không? Vì sao?

a) $\frac{-1}{6}$ và $\frac{3}{18}$

b) $\frac{2}{-7}$ và $\frac{-18}{63}$

Bài 3. Tìm $x \in \mathbb{Z}$ biết:

a) $\frac{x}{2} = \frac{-3}{6}$

b) $\frac{3}{x} = \frac{12}{24}$

c) $\frac{6}{8} = \frac{-x}{4}$

d) $\frac{-15}{17} = \frac{45}{x}$

Dạng 5: Hình học

Bài 1. Vẽ đường thẳng a .

a) Vẽ điểm B không nằm trên đường thẳng a .

b) Vẽ điểm C nằm trên đường thẳng a .

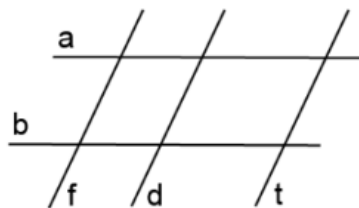
c) Điền kí hiệu $\in$; $\notin$ vào chỗ trống:

$B \dots a$

$C \dots a$

Bài 2. Vẽ đường thẳng d . Lấy ba điểm M, N, P trên đường thẳng d . Hỏi có tất cả bao nhiêu đoạn thẳng? Kể tên các đoạn thẳng có trong hình vẽ.

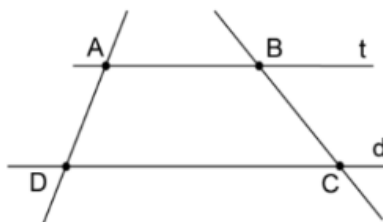
Bài 3. Cho hình vẽ sau:



a) Kể tên các cặp đường thẳng song song.

b) Kể tên các cặp đường thẳng cắt nhau.

Bài 4. Cho hình vẽ sau:



a) Kể tên các cặp đường thẳng song song.

b) Kể tên các cặp đường thẳng cắt nhau và xác định giao điểm.

c) Chọn kí hiệu " $\in$ ", " $\notin$ " thích hợp điền vào chỗ trống:

$A \dots t$

$D \dots t$

$B \dots d$

$C \dots d$

Dạng 6: Một số bài toán nâng cao

Bài 1. Cho p là số nguyên tố lớn hơn 3. Chứng minh rằng: $(p^2 - 1) : 24$.

Bài 2. Tìm số tự nhiên n để $5n + 14$ chia hết cho $n + 2$.

Bài 3. So sánh 3^{99} và 11^{21} .

Bài 4. Tìm số nguyên n sao cho $6 : (2n + 1)$.

Bài 5. Tính tổng: $A = 1 + 2 - 3 - 4 + 5 + 6 - 7 - 8 + \dots + 2018 - 2019 - 2020 + 2021$

Bài 6. Tìm $x \in \mathbb{Z}$ $(x - 3) + (x - 2) + (x - 1) + \dots + (x + 11) + (x + 12) = 88$

ĐỀ ÔN LUYỆN SỐ 1

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Trong các cách viết sau, cách viết nào cho ta phân số?

- A. $\frac{-0,5}{-3}$ B. $\frac{2}{4,7}$ C. $\frac{1,2}{-3,7}$ D. $\frac{-2}{5}$

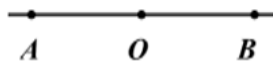
Câu 2. Điểm M không thuộc đường thẳng a được kí hiệu là

- A. $M \in a$ B. $M \notin a$ C. $a \in M$ D. $a \notin M$

Câu 3. Hai đường thẳng song song có số điểm chung là

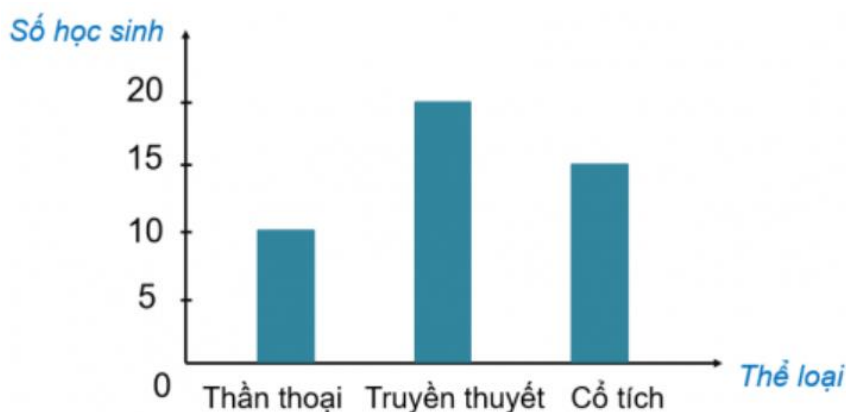
- A. Không có điểm chung B. 1
C. 2 D. Vô số điểm chung

Câu 4. Cho hình vẽ sau, cho biết có bao nhiêu đoạn thẳng?



- A. 0 đoạn thẳng B. 1 đoạn thẳng
C. 2 đoạn thẳng D. 3 đoạn thẳng

Trả lời từ Câu 5 – Câu 7: Biểu đồ sau cho biết thể loại sách được các bạn học sinh lớp 6A yêu thích.



Câu 5. Số học sinh chọn thể loại cổ tích là

- A. 5 B. 10 C. 15 D. 20

Câu 6. Số học sinh chọn thể loại truyền thuyết nhiều hơn số học sinh chọn thể loại thần thoại là

- A. 5 B. 10 C. 15 D. 20

Câu 7. Tổng số học sinh lớp 6A là

- A. 30 B. 25 C. 45 D. 35

Câu 8. Tung đồng xu cân đối một lần, có bao nhiêu kết quả có thể xảy ra đối với mặt xuất hiện của đồng xu?

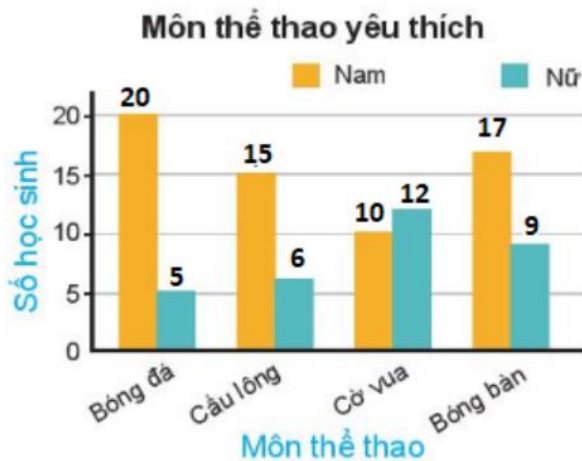
- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

PHẦN II. TỰ LUẬN

Bài 1. Viết và đọc mỗi phân số trong các trường hợp sau:

- a) Tử số là 7, mẫu số là -13 .
b) Tử số là -22 , mẫu số là 23.

Bài 2.



- a) Môn thể thao nào được các bạn học sinh nam thích nhiều nhất? Môn thể thao nào được các bạn học sinh nam thích ít nhất?
- b) Môn thể thao nào được các bạn học sinh nữ thích nhiều nhất? Môn thể thao nào được các bạn học sinh nữ thích ít nhất?
- c) Số học sinh nam thích môn cờ vua chiếm bao nhiêu phần trăm tổng số học sinh nam?
- d) Số học sinh nữ thích môn bóng đá chiếm bao nhiêu phần trăm tổng số học sinh nữ?

Bài 3. Đạt gieo một xúc xắc 7 lần liên tiếp và số chấm xuất hiện ở mỗi lần gieo như sau:

Lần	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	Lần 5	Lần 6	Lần 7
Số chấm	1	1	5	6	3	3	4

- a) Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện xuất hiện mặt có 3 chấm.
- b) Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện xuất hiện mặt có số chấm là số nguyên tố.

Bài 4. Trên đường thẳng d lấy ba điểm A, B, C theo thứ tự đó và lấy điểm O không nằm trên d .

- a) Vẽ hình theo diễn đạt trên.
- b) Kể tên một điểm nằm giữa hai điểm khác.
- c) Có bao nhiêu nhóm ba điểm không thẳng hàng?

Bài 5. Tìm số nguyên n để $(n^2 + 3n + 6):(n + 3)$.

ĐỀ ÔN LUYỆN SỐ 2

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM

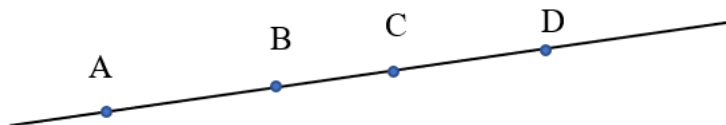
Câu 1. Hai phân số $\frac{a}{b}$ và $\frac{c}{d}$ bằng nhau khi

- A. $a.b = c.d$ B. $a.c = b.d$ C. $c.d = a.b$ D. $a.d = b.c$

Câu 2. Tung đồng xu cân đối một lần, có bao nhiêu kết quả có thể xảy ra đối với mặt xuất hiện của đồng xu?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 3. Cho hình vẽ sau.



Các điểm nằm giữa hai điểm A và điểm D là

- A. A, B, C B. B, C, D C. B, C D. B

Câu 4. Cho 5 điểm phân biệt trong đó không có 3 điểm nào thẳng hàng. Cứ qua 2 điểm kẻ một đường thẳng. Số đường thẳng kẻ được là

- A. 6 B. 10 C. 15 D. 30

Trả lời từ Câu 5 – Câu 7: Cho biểu đồ tranh số học sinh nữ của các lớp khối 6 của một trường THCS.



Câu 5. Lớp có số học sinh nữ ít nhất là

- A. 6A1 B. 6A6 C. 6A3 D. 6A5

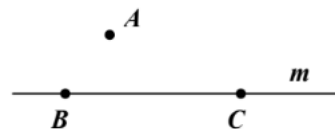
Câu 6. Số học sinh nữ lớp 6A4 là

- A. 2 B. 10 C. 15 D. 20

Câu 7. Lớp 6A2 có số học sinh nữ bằng số học sinh nữ lớp

- A. 6A3 B. 6A5 C. 6A6 D. 6A1

Câu 8. Cho hình vẽ sau, chọn khẳng định sai.



- A. $B \notin m; A \in m$ B. $C \in m; A \notin m$
 C. $A \notin m; B \in m$ D. $B \in m; C \in m$

PHẦN II. TỰ LUẬN

Bài 1. Thực hiện phép tính

a) $154 + 67 - 54 + 33$

b) $-72.17 + (-72).83$

c) $7.5^2 - 6.4^2$

Bài 2. Tìm $x \in \mathbb{Z}$ biết:

a) $\frac{x}{4} = \frac{-5}{10}$

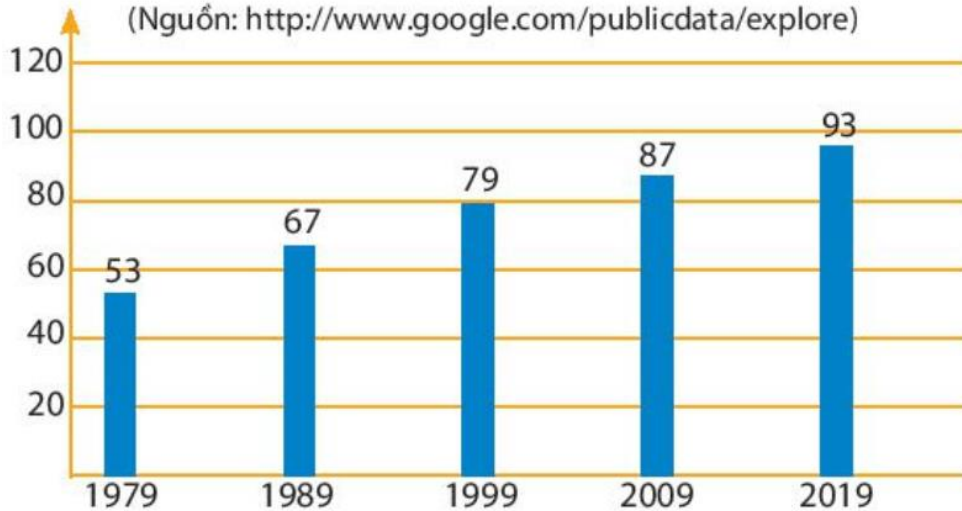
b) $\frac{15}{x} = \frac{10}{4}$

c) $\frac{6}{-18} = \frac{x}{6}$

Bài 3. Biểu đồ dưới đây cho biết ước tính dân số Việt Nam qua các thập niên.

Ước tính dân số Việt Nam qua các thập niên (triệu người)

(Nguồn: <http://www.google.com/publicdata/explore>)

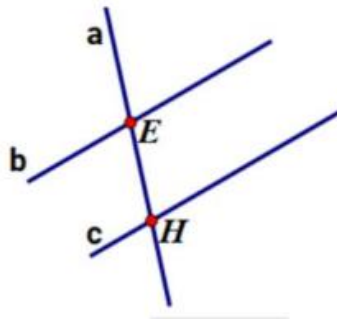


- Dựa vào biểu đồ, hãy lập bảng thống kê dân số Việt Nam qua các thập niên.
- Từ thập niên 1979 – thập niên 2019, dân số Việt Nam có xu hướng tăng hay giảm?
- Thập niên 2009 ước tính dân số Việt Nam là bao nhiêu?

Bài 4.

4.1. Vẽ đoạn thẳng $AB = 4cm$, vẽ điểm C trên đoạn thẳng AB sao cho $AC = 2cm$.

4.2. Cho hình vẽ sau:



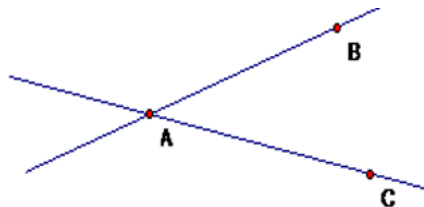
- Kể tên các cặp đường thẳng song song.
- Kể tên các cặp đường thẳng cắt nhau và xác định giao điểm.

Bài 5. Chứng minh rằng $A = 16^5 + 2^{15}$ chia hết cho 33.

ĐỀ ÔN LUYỆN SỐ 3

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Cho hình vẽ sau.



Hai đường thẳng AB và AC là hai đường thẳng

- | | |
|---------------|------------------------|
| A. Song song | B. Cắt nhau |
| C. Trùng nhau | D. Không có điểm chung |

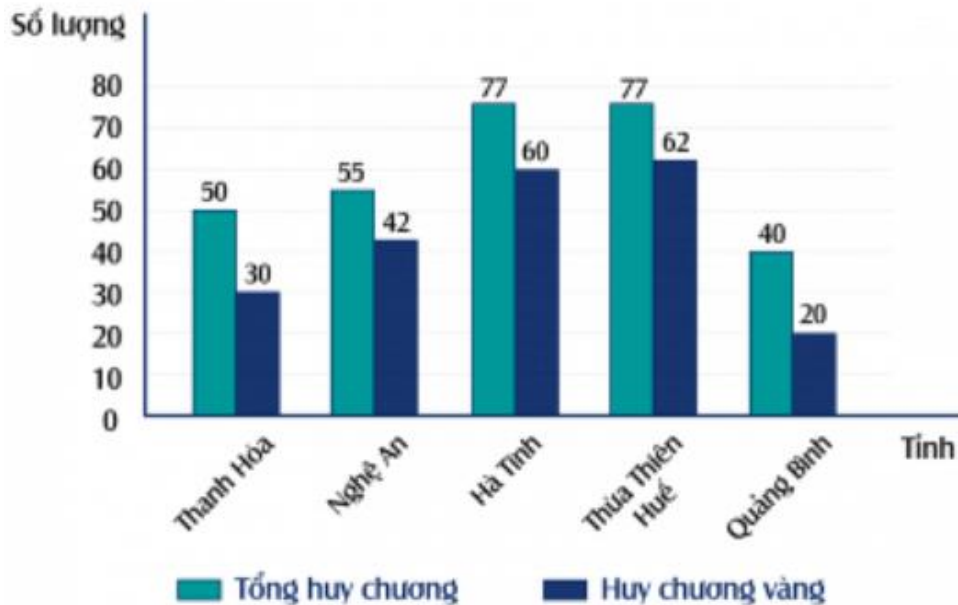
Câu 2. Cho $\frac{x}{12} = \frac{3}{4}$ thì giá trị của x là

- | | | | |
|-------|-------|-------|------|
| A. 36 | B. 48 | C. 16 | D. 9 |
|-------|-------|-------|------|

Câu 3. Phân số nào sau đây bằng phân số $\frac{-2}{5}$?

- A. $\frac{-8}{10}$ B. $\frac{-2}{-5}$ C. $\frac{6}{-15}$ D. $\frac{6}{15}$

Trả lời từ Câu 4 – Câu 6: Cho biểu đồ cột kép sau biểu diễn số huy chương vàng và tổng số huy chương của một số tỉnh trong hội thi thể thao.



Câu 4. Trục dọc của biểu đồ biểu diễn

- A. Số lượng huy chương B. Huy chương vàng
C. Tổng huy chương D. Các tỉnh

Câu 5. Tỉnh giành được số huy chương vàng nhiều nhất là

- A. Thanh Hóa B. Hà Tĩnh
C. Thừa Thiên Huế D. Quảng Bình

Câu 6. Tỉnh giành được tổng huy chương ít nhất là

- A. Nghệ An B. Quảng Bình
C. Thanh Hóa D. Hà Tĩnh

Câu 7. Điểm P thuộc đường thẳng d được kí hiệu là

- A. $d \in P$ B. $P \in d$ C. $d \notin P$ D. $P \notin d$

Câu 8. Hai đường thẳng cắt nhau có số điểm chung là

- A. 0 B. 3 C. 1 D. 2

PHẦN II. TỰ LUẬN

Bài 1. Các cặp phân số sau có bằng nhau không? Vì sao?

- a) $\frac{-5}{-7}$ và $\frac{10}{14}$ b) $\frac{-1}{12}$ và $\frac{3}{-24}$

Bài 2. Biểu đồ tranh dưới đây cho biết về loại quả yêu thích của các bạn học sinh khối 6.

Loại quả	Số học sinh yêu thích
Táo	★★★★
Chuối	★★★★★
Dưa hấu	★★★★★★
Cam	★★★★
Bưởi	★★★★★

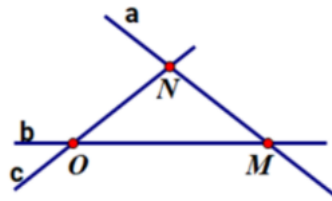
(★ = 10 học sinh; ☆ = 5 học sinh)

- Loại quả nào được các bạn yêu thích nhiều nhất?
- Có bao nhiêu bạn yêu thích quả cam?
- Số bạn yêu thích quả dưa hấu nhiều hơn số bạn yêu thích quả táo là bao nhiêu?

Bài 3. Một hộp có chứa 1 bút bi xanh, 1 bút bi đen và 1 bút bi đỏ. Lấy ngẫu nhiên một chiếc bút trong hộp.

- Nêu các kết quả có thể xảy ra đối với màu của chiếc bút lấy ra.
- Viết tập hợp các kết quả có thể xảy ra đối với màu của chiếc bút lấy ra.
- Nêu hai điều cần chú ý trong mô hình xác suất của trò chơi trên.

Bài 4. Cho hình vẽ sau:



- Điền vào chỗ trống:
 $N \dots\dots\dots a$ $O \dots\dots\dots b$ $M \dots\dots\dots c$ $N \dots\dots\dots c$
- Kể tên các cặp đường thẳng cắt nhau và chỉ ra giao điểm của chúng.

Bài 5. Cho $A = 1 + 2 + 2^2 + \dots + 2^{13}$. Hãy chứng minh $A \vdots 3$.
